

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HIỆP THƯƠNG

**KỸ NĂNG THAM VẤN CHO GIA ĐÌNH TRẺ TỰ KỶ
CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI**

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC CHUYÊN NGÀNH

MÃ SỐ : 62 31 80 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI – 2016

***Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học xã hội
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam***

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp:.....

họp tại:

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện

- Thư viện

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Bài báo:

1. Nguyễn Hiệp Thương (2013), *Sự cần thiết phát triển dịch vụ tham vấn gia đình tại Việt Nam*. Hội thảo khoa học quốc tế “ Nâng cao tính chuyên nghiệp CTXH vì phát triển và hội nhập” NXB ĐHSP Hà Nội. QĐXB số: 1213/QĐ-ĐHSPHN,ISBN,978604540353-2, tháng 11/2013, trang 524-531
2. Nguyễn Hiệp Thương (2014), *Dịch vụ tham vấn cho gia đình người khuyết tật - một nhu cầu cấp thiết hiện nay*. Hội thảo khoa học quốc tế “ Thực tiễn và hội nhập trong phát triển CTXH ở Việt Nam” NXB Thanh niên. Số ĐKKHXB: 2228-2014/CXB/09-77TN,ISBN,9786046415602, tháng 11/2014, trang 165-174.
3. Nguyễn Hiệp Thương (2015), *Thực trạng kỹ năng tham vấn chuyên biệt cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội*, tạp chí tâm lý học xã hội, số tháng 8 năm 2015, trang 105 - 111.
4. Nguyễn Hiệp Thương, Lưu Thị Thu Phương (2015), *Thực trạng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội*, tạp chí khoa học – Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, số 60 (8A. Tr.45-57.
5. Nguyễn Hiệp Thương, Lưu Thị Thu Phương (2015), *Phát triển dịch vụ tham vấn gia đình trẻ tự kỉ- nhu cầu cấp thiết cần quan tâm*,tạp chí Giáo dục số đặc biệt 12/2015,Tr.69-71.
6. Nguyễn Hiệp Thương (2016), *Một số nhân tố chủ quan tác động đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên CTXH* Tạp chí khoa học – Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, 60 (8A. Cuốn 61, số 2A, Tr.11-20.

Các công trình khác:

7. Nguyễn Hiệp Thương (biên soạn chương 1,2,3) (2014), *Công tác Xã hội với người khuyết tật*, Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. GPXB số: 06KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN. Năm 2014

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Số lượng trẻ em mắc hội chứng tự kỷ đang ngày càng gia tăng một cách nhanh chóng ở trên thế giới và Việt Nam, trở thành mối quan tâm đặc biệt của toàn xã hội

1.2. Trẻ em mắc hội chứng tự kỷ không chỉ khiến các em gặp nhiều khó khăn, bất lợi trong cuộc sống mà còn gây ra rất nhiều những khó khăn, thách thức cho gia đình các em, đặc biệt là trong lĩnh vực tinh thần, tình cảm.

1.3. Nhân viên công tác xã hội có vai trò quan trọng trong việc trợ giúp những đối tượng yếu thế trong xã hội nói chung và trẻ tự kỷ và gia đình trẻ tự kỷ nói riêng.

1.4. Có nhiều nghiên cứu về tham vấn và kỹ năng tham vấn nhưng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ em mắc hội chứng tự kỷ của nhân viên công tác xã hội còn khá ít ỏi và tương đối mới mẻ.

Do vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài **“Kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên Công tác xã hội”** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội, các yếu tố chủ quan, khách quan tác động đến kỹ năng tham vấn cho gia đình của nhân viên công tác xã hội. Trên cơ sở đó đề xuất biện pháp tác động nhằm nâng cao kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với những gia đình này.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa và xác định những vấn đề lý luận về tham vấn; kỹ năng tham vấn; kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội; các yếu tố ảnh hưởng tới các kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội.

- Khảo sát đánh giá thực trạng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội.

- Đề xuất một số biện pháp tác động và tổ chức thực nghiệm tác động nâng cao một số kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Mức độ và biểu hiện của kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi về nội dung nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu biểu hiện và mức độ thực hiện một số kỹ năng tham vấn cơ bản và kỹ năng tham vấn chuyên biệt của nhân viên công tác

xã hội khi tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ. Các kỹ năng tham vấn cơ bản bao gồm: kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng phản hồi và các kỹ năng tham vấn chuyên biệt là kỹ năng cung cấp thông tin, kỹ năng đương đầu, kỹ năng can thiệp, kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực. Đồng thời phân tích một số yếu tố chủ quan và khách quan tác động đến kỹ năng tham vấn của nhân viên công tác xã hội khi tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ.

3.2.2. Phạm vi về khách thể nghiên cứu

Đề tài khảo sát trên hai nhóm khách thể là nhân viên công tác xã hội và cha mẹ trẻ tự kỷ.

3.2.3. Giới hạn địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành ở một số cơ sở trị liệu chăm sóc trẻ tự kỷ ở TP Hà Nội (Trường mầm non Newstar – Ngôi sao sáng- 240 Trần Duy Hưng; Trường mầm non Ánh Sao Mai – 69/255 Phố Vọng; Trung tâm Sao Biển – ĐHSHPN – 136 Xuân Thủy.)

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành dựa trên cơ sở một số nguyên tắc phương pháp luận của tâm lý học. Cụ thể như sau:

Nguyên tắc hoạt động: Kỹ năng của con người được hình thành, phát triển và thể hiện trong hoạt động, do đó khi nghiên cứu kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội cần nghiên cứu hoạt động của những nhân viên công tác xã hội này để làm bộc lộ rõ kỹ năng tham vấn của họ. Ở đây, kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội được chúng tôi tiến hành nghiên cứu thông qua hoạt động tham vấn thực tiễn của họ cho gia đình trẻ tự kỷ – cho trẻ tự kỷ, cha mẹ và người chăm sóc trẻ tự kỷ...

Nguyên tắc tiếp cận hệ thống: Kỹ năng của con người chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, có các yếu tố chủ quan và có cả các yếu tố khách quan. Vì vậy, trong luận án này, kỹ năng tham vấn được xem xét như là kết quả tác động của nhiều yếu tố. Tuy nhiên, trong từng thời điểm, từng hoàn cảnh khác nhau có yếu tố tác động trực tiếp, có yếu tố tác động gián tiếp, có yếu tố tác động mạnh, có yếu tố tác động yếu. Việc xác định đúng vai trò của từng yếu tố trong từng hoàn cảnh cụ thể là điều cần thiết. Vì vậy, trong nghiên cứu này, kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội được xem xét trong mối quan hệ về nhiều mặt: mối tương quan giữa kỹ năng tham vấn này và một số yếu tố chủ quan (Sự say mê, hứng thú với công việc kỳ thị; Kiến thức chuyên môn được đào tạo và kinh nghiệm thực tiễn; Tính tích cực, chủ động) và một số yếu tố khách quan (Cơ hội đào tạo nâng cao trình độ; Hình thức khuyến khích làm việc tại cơ quan; Yêu cầu công việc).

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề ra, đề tài sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu
- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp thảo luận nhóm tập trung
- Phương pháp nghiên cứu tiểu sử
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case Study)
- Phương pháp thực nghiệm
- Phương pháp thống kê toán học

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

5.1. Đóng góp về mặt lý luận

Đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội, vì vậy nghiên cứu có thể có một số đóng góp:

Nghiên cứu hệ thống hóa và bổ sung một số vấn đề lý luận về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội chỉ ra những kỹ năng tham vấn cơ bản và một số kỹ năng tham vấn chuyên biệt của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với gia đình trẻ tự kỷ.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Nghiên cứu sẽ chỉ ra thực trạng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội, chỉ ra được thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới các kỹ năng tham vấn, đồng thời khẳng định được tính khả thi của biện pháp tác động nâng cao một số kỹ năng tham vấn chuyên biệt cho gia đình tự kỷ của nhân viên công tác xã hội. Kết quả nghiên cứu có thể là tài liệu tham khảo bổ ích để giảng dạy và học tập môn công tác xã hội cho người khuyết tật nói chung, kỹ năng tham vấn cho gia đình người tự kỷ nói riêng trong các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Nghiên cứu đã bổ sung và hệ thống hóa được một số vấn đề lý luận về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội, đồng thời chỉ ra những kỹ năng tham vấn cơ bản và một số kỹ năng tham vấn chuyên biệt của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với gia đình trẻ tự kỷ.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội, cũng như phân tích được những yếu tố tác động đến các kỹ năng tham vấn và chỉ ra được một số biện pháp tác động để nâng cao một số kỹ năng tham vấn chuyên biệt cho gia đình tự kỷ của nhân viên công tác xã hội.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn của luận án là tài liệu tham khảo có giá trị đối với những người làm công tác xã hội trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em tự kỷ nói riêng.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục các công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án bao gồm 4 chương:

- Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội
- Chương 2: Cơ sở lý luận về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội
- Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu.
- Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ KỸ NĂNG THAM VẤN CHO GIA ĐÌNH TRẺ TỰ KỶ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI

1.1. Nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.1. Những nghiên cứu về tham vấn

Tham vấn ra đời và phát triển từ rất lâu nhưng phải đến thế kỷ XX mới xuất hiện các nghiên cứu về tham vấn, kỹ năng tham vấn theo hướng chuyên nghiệp. Những người có đóng góp cho sự ra đời của ngành tham vấn có thể kể đến là Francis Galton, Wilhelm Wundt, James Catell, G.Stanley Hall, Alfred Binet, Jesse Davis, Frank Parson, Robert Yerkers,...

Một số tác giả khác lại nghiên cứu sâu hơn về các KNTV trong quá trình trợ giúp, như nghiên cứu của H.James & H.Jacqueline (1999), E.A Neukrug (1999) và N.J.Richard (2003) về cách thức phản ứng cơ bản của người tham vấn với những hành vi, cử chỉ, cảm xúc của thân chủ.

1.1.2. Những nghiên cứu về tham vấn gia đình, tham vấn gia đình trẻ tự kỷ

1.1.2.1. Tham vấn gia đình

Các hướng nghiên cứu này đã tiếp cận sự trợ giúp con người trong một mối quan hệ xã hội rộng hơn chứ không chỉ bó hẹp trong cá nhân như một số cách tiếp cận trị liệu được đề cập ở trên. Vì thế, hướng nghiên cứu về tham vấn gia đình cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm nghiên cứu. các nghiên cứu này đã bổ sung các phương thức can thiệp hành vi suy nghĩ của một cá nhân thông qua tác động nhằm thay đổi cách thức tương tác trong gia đình. Đó là mô hình can thiệp cấu trúc quyền lực (sức mạnh, ranh giới và sự liên kết trong gia đình), hệ thống cấu trúc và chức năng, phương thức giao tiếp trong gia đình, hay mô hình học tập xã hội trong gia đình như của các tác giả: C. Allie Kilpatrick (1999)& P.Thomas Holland (1993) , Ackerman và Satir, M.Bowen (1959), V.Satir, S.Minuchin hay các nghiên cứu của S.Slavson (1943, J.Moreno

(1946), H.Ginott (1961), E.Jacos (1988), G.Corey & Correy (1992). Eward E&Reley L. (1992) Cappuzzi và Gross (1992).

Hướng này, còn có các tác giả tiêu biểu như C Zastrow (1985) hay D Helpworth (1997) đã nghiên cứu những KNTV cơ bản đối với cá nhân, gia đình và nhóm trong công tác xã hội - một hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp. W.Robert và H.Robert (1976) nghiên cứu kỹ năng can thiệp cá nhân và gia đình bị khủng hoảng và đề xuất phương pháp tạo nhóm chia sẻ cảm xúc và học hỏi hành vi ứng phó. Nghiên cứu về tham vấn nhóm gia đình, các tác giả trên đều nhấn mạnh vai trò của kỹ năng tương tác như lắng nghe, thiết lập mối quan hệ, thấu cảm, phản hồi, hỏi, gợi mở, khích lệ....

1.1.2.2. Tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ

Bên cạnh các hướng nghiên cứu về tham vấn cá nhân, tham vấn nghề nghiệp hay các kỹ năng tham vấn thì các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy khi giúp đỡ cá nhân thì cần đặt họ vào bối cảnh của cá nhân đó, như gia đình, cộng đồng, xã hội mà cá nhân đó sinh sống.

Đó là mô hình can thiệp cấu trúc quyền lực (sức mạnh, ranh giới và sự liên kết trong gia đình), hệ thống cấu trúc và chức năng, phương thức giao tiếp trong gia đình, hay mô hình học tập xã hội trong gia đình như của các tác giả: C. Allie Kilpatrick (1999) & P.Thomas Holland (1993), Ackerman và Satir, M.Bowen (1959), V.Satir, S.Minuchin hay các nghiên cứu của S.Slavson (1943, J.Moreno (1946), H.Ginott (1961), E.Jacos (1988), G.Corey & Correy (1992). Eward E&Reley L. (1992) Cappuzzi và Gross (1992).

1.2. Nghiên cứu ở trong nước

1.2.1. Nghiên cứu về tham vấn nói chung

Do mới phát triển mạnh mẽ trong một vài năm gần đây, nên phần lớn các nghiên cứu ở Việt Nam mới chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng, nhu cầu và hiệu quả của tham vấn nói chung Dương Diệu Hoa và cộng sự (2007), Nguyễn Thị Thanh Bình (1997), Phạm Thanh Bình (2014), Phạm Văn Tư (2015). Những nghiên cứu tiếp theo sau này về lý luận của tham vấn đã phát triển nhiều hơn. Các nghiên cứu về khái niệm và bản chất của hoạt động tham vấn của các tác giả Nguyễn Ngọc Phú, Trần Thị Minh Đức, Phạm Tất Dong, Trần Quốc Thành, Nguyễn Thị Mùi, Trần Thị Lệ Thu, Bùi Thị Xuân Mai, Hoàng Anh Phước... đã được đề cập, trình bày trong các báo cáo tại các hội thảo khoa học, các tạp chí khoa học chuyên ngành.

1.2.2. Tham vấn gia đình, tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ

Trong cuốn “Tài liệu tập huấn kỹ năng cơ bản trong tham vấn” (2005) do UNICEF biên soạn có đề cập đến một số vấn đề về tham vấn gia đình trong chương V tham vấn nhóm và gia đình. Tác giả Trần Thị Minh Đức (2008, tái bản 2011) trong cuốn “Giáo trình tham vấn tâm lý” Phần chương 1. Mục hình thức tham vấn, đã trình bày một số nét khái quát về tham vấn gia đình, mục tiêu tham vấn gia đình, chiến lược cấu trúc khi tham vấn gia đình, quy trình các bước khi tham vấn gia đình cũng như một số lưu ý khi tham vấn gia đình.

“Giáo trình Tham vấn” do tác giả Bùi Thị Xuân Mai chủ biên (2008) [37] đã dành một chương III để trình bày về tham vấn gia đình, mô hình can thiệp trong tham vấn gia đình, quy trình tham vấn gia đình và các kỹ năng trong tham vấn gia đình.

Tác giả Trần Đình Tuấn (2013) trong cuốn “Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình” đã đề cập tương đối chi tiết về tham vấn gia đình theo cách trình bày việc ứng dụng các lý thuyết, các trường phái tham vấn tâm lý vào tham vấn gia đình [54]. Trong tài liệu, tác giả đã chỉ ra những nhu cầu của gia đình và vấn nạn mà gia đình thường gặp phải cũng như chỉ ra cách vận dụng các trường phái tham vấn tâm lý nào vào để giải quyết các vấn nạn thường gặp của gia đình.

Các nghiên cứu ở trong nước chủ yếu mới chỉ tập trung vào phản ánh thực trạng nhu cầu tham vấn, sự hạn chế về chất lượng của tham vấn do thiếu tính chuyên nghiệp, các nghiên cứu về KNTV còn chưa nhiều. Đặc biệt các nghiên cứu về tham vấn nhóm, tham vấn gia đình còn ít... Đặc biệt là hướng nghiên cứu về tham vấn cho gia đình TTK, KNTV cho gia đình TTK còn chưa có. Vì thế, đây là hướng nghiên cứu chúng tôi cho rằng cần nhận được nhiều sự quan tâm hơn nữa của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG THAM VẤN CHO GIA ĐÌNH TRẺ TỰ KỶ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI

2.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

2.1.1. Kỹ năng tham vấn

KNTV là sự vận dụng kinh nghiệm, tri thức hiểu biết chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của NTV vào hoàn cảnh tham vấn cụ thể nhằm tạo lập mối quan hệ hợp tác, qua đó giúp đối tượng tự nhận thức được bản thân và vấn đề đang tồn tại, từ đó tự xác định giải pháp để giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả.

2.1.2. Gia đình trẻ tự kỷ

2.1.2.1. Trẻ tự kỷ

Tự kỷ là một loại khuyết tật phát triển tồn tại suốt đời, thường được thể hiện ra ngoài trong 3 năm đầu đời. Tự kỷ là một rối loạn thần kinh ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của não bộ gây nên, chủ yếu ảnh hưởng đến trẻ em và người lớn ở nhiều quốc gia, không phân biệt giới tính, chủng tộc hoặc điều kiện kinh tế - xã hội. Đặc điểm của nó là sự khó khăn trong tương tác xã hội, các vấn đề về giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ và có các hành vi, sở thích, hoạt động lặp đi, lặp lại và hạn hẹp.

2.1.2.2. Gia đình trẻ tự kỷ

*** Gia đình và vai trò của cha mẹ**

Với cách nhìn của khoa học hiện đại thì gia đình là một nhóm nhỏ xã hội, các thành viên trong nhóm có quan hệ gắn bó về hôn nhân hoặc huyết thống,

tâm sinh lý, cùng có chung các giá trị vật chất tinh thần ổn định trong các thời điểm lịch sử nhất định.

Về chức năng của gia đình, các nhà khoa học đã đưa ra những quan điểm rất phong phú. Nhưng nhìn chung, nhiều tác giả đồng ý, gia đình có một số chức năng cơ bản như: Chức năng sinh sản, tái sản xuất ra con người, chức năng kinh tế, chức năng thỏa mãn các nhu cầu tâm lý tình cảm, chức năng giáo dục con cái, chức năng chăm sóc nuôi dưỡng người già, các chức năng được thực hiện đan xen vào nhau và đưa ra đồng thời thông qua cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

** Những vấn đề của gia đình trẻ tự kỷ*

Theo lý thuyết hệ thống gia đình của Turnbull (Mỹ) vòng đời của gia đình có 4 giai đoạn chính. Trong 4 giai đoạn đó thì có một số vấn đề thường nảy sinh kèm theo mà một gia đình có TTK thường trải qua.

** Đặc điểm tâm lý gia đình trẻ tự kỷ*

Mỗi gia đình có những phản ứng rất khác nhau, những suy nghĩ khác nhau khi biết con mình khuyết tật. Thông thường phản ứng, tình cảm của gia đình, cha mẹ khi biết con mình khuyết tật thường trải qua một số giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Sốc, từ chối, không tin

Giai đoạn 2: Tức giận, cảm giác mình có tội

Giai đoạn 3: Tự lý giải mặc cả

Giai đoạn 4: Buồn chán, suy sụp

Giai đoạn 5: Chấp nhận, tìm cách chữa trị

2.1.3. Nhân viên công tác xã hội

2.1.3.1. Khái niệm nhân viên công tác xã hội

NVCTXH là người được đào tạo và trang bị các kiến thức và kỹ năng trong công tác xã hội, họ có nhiệm vụ: trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết và đối phó với vấn đề trong cuộc sống; tạo cơ hội để các đối tượng tiếp cận được nguồn lực cần thiết; thúc đẩy sự tương tác giữa các cá nhân, giữa cá nhân với môi trường tạo ảnh hưởng tới chính sách xã hội, các cơ quan, tổ chức vì lợi ích của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu và hoạt động thực tiễn”.

2.1.3.2. Nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội

- Thúc đẩy, phục hồi, duy trì và tăng cường chức năng của cá nhân, gia đình và cộng đồng thông qua hoạt động trợ giúp, xoá bỏ và phòng ngừa nghèo đói, phát huy nguồn lực trong xã hội.

- Xây dựng, hoạch định và thực thi các chính sách xã hội, chương trình hành động, hệ thống dịch vụ xã hội, nguồn lực xã hội cần thiết để đáp ứng nhu cầu của con người và trợ giúp sự phát triển năng lực của con người.

- Theo dõi, kiểm soát các chính sách, chương trình thông qua hoạt động biện hộ, hoạt động chính trị để tăng năng lực cho những nhóm yếu thế hay có nguy cơ yếu thế và thúc đẩy công bằng, bình đẳng về mặt kinh tế cũng như xã hội.

- Phát triển những kiến thức kỹ năng của công tác xã hội để đảm bảo mục tiêu nghề nghiệp của mình (đó chính là những mục tiêu được đề cập tới ở trên).

Với tính chất chức năng khá rộng rãi và phổ quát trong xã hội của nghề công tác xã hội, NVCTXH có thể làm việc ở phạm vi khá rộng như trong các lĩnh vực:

2.1.3.3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội

Theo quan điểm của Feyerico (1973) NVCTXH có những vai trò sau đây:

- Vai trò là người vận động nguồn lực:
- Vai trò là người kết nối các dịch vụ, chính sách và giới thiệu cho đối tượng các chính sách, dịch vụ, nguồn tài nguyên đang sẵn có
- Vai trò là người biện hộ
- Vai trò là người vận động/hoạt động xã hội
- Vai trò là người giáo dục
- Vai trò người tạo sự thay đổi.
- Vai trò là người tư vấn.
- Vai trò là người tham vấn.
- Vai trò là người trợ giúp xây dựng và thực hiện kế hoạch cộng đồng
- Vai trò là người chăm sóc, người trợ giúp.
- Vai trò là người quản lý hành chính.
- Người tìm hiểu, khám phá cộng đồng.

2.1.3.4. Yêu cầu đạo đức, kiến thức và kỹ năng đối với nhân viên công tác xã hội

- * *Yêu cầu về phẩm chất đạo đức*
- * *Yêu cầu về phẩm chất đạo đức*
- * *Yêu cầu về kiến thức*
- * *Yêu cầu về kỹ năng của nhân viên công tác xã hội*

2.1.4. Kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

2.1.4.1. Khái niệm kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH là sự vận dụng kinh nghiệm, tri thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của NVCTXH vào trợ giúp cho các thành viên trong gia đình TTK từ đó giúp họ nhận thức được hoàn cảnh vấn đề để thay đổi cảm xúc, suy nghĩ và hành vi và tìm kiếm giải pháp cho vấn đề của mình một cách có hiệu quả nhất.

2.1.4.2. Một số kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ

Để có thể thực hiện được những nhiệm vụ của mình NVCTXH phải có những KNTV cơ bản và một số kỹ năng tương đối đặc thù và rất cần thiết khi tham vấn cho gia đình TTK.

Nhóm kỹ năng tham vấn cơ bản bao gồm:

- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng thiết lập mối quan hệ
- Kỹ năng hỏi
- Kỹ năng phản hồi
- Kỹ năng thấu hiểu

Nhóm kỹ năng tương đối đặc thù và cần thiết khi tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ có thể gọi là *nhóm kỹ năng tham vấn chuyên biệt* bao gồm:

- Kỹ năng cung cấp thông tin
- Kỹ năng đương đầu
- Kỹ năng can thiệp
- Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực

2.1.4.3. Quy trình hình thành kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

KNTV nói chung đi từ hình thành nhận thức về nội dung, mục đích, cách thức thực hiện kỹ năng tới việc quan sát và làm thử, cuối cùng là luyện tập để tiến hành hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt được mục đích đề ra và bao gồm ba bước.

Bước 1: Nắm vững nội dung, mục đích, cách thức thực hiện kỹ năng

Bước 2: Quan sát và làm thử

Bước 3: Luyện tập để thành thạo kỹ năng

2.1.4.4. Các mức độ kỹ năng tham vấn của nhân viên công tác xã hội

Vận dụng quy trình hình thành kỹ năng cũng như cách thức chia mức độ hình thành KNTV, chúng tôi chia mức độ KNTV của NVCTXH thành 5 mức độ với các yêu cầu

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

2.2.1. Nhóm các yếu tố thuộc về chủ thể tham vấn- nhân viên công tác xã hội.

Nói tóm lại, việc hình thành và nâng cao các KNTV chịu sự tác động mạnh mẽ của các yếu tố thuộc về đặc điểm tâm lý cá nhân NVCTXH, đặc biệt là sự say mê, hứng thú với công việc; kinh nghiệm thực tiễn/thâm niên công tác trên một nền tảng kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà NVCTXH cần phải có.

2.2.2. Nhóm các yếu tố khách quan

Các yếu tố bên ngoài là những yếu tố không thuộc chủ thể tham vấn tác động đến KNTV của NVCTXH như: nhận thức của gia đình TTK, cộng đồng và xã hội về tham vấn gia đình; cơ chế chính sách đối với NVCTXH; cơ hội được tập huấn, bồi dưỡng về tham vấn tâm lý, tham vấn cho gia đình TTK; sự phát triển nghề tham vấn ở Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Vận dụng các kỹ năng tham vấn để tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ được cho là một hình thức trợ giúp phù hợp đối với gia đình đang gặp những khó khăn khủng hoảng về tinh thần, tình cảm, là một trong những cách can thiệp tâm lý có ý nghĩa quan trọng đối với việc trợ giúp gia đình, giải quyết những vấn đề đang tồn tại. Thông qua tham vấn giúp các thành viên trong gia đình TTK cải thiện, giải quyết những vấn đề khó khăn của mình, tạo nên sức mạnh của gia đình và củng cố khả năng giải quyết vấn đề của gia đình với mục tiêu là giúp họ tương tác với nhau để cùng nhau giải quyết vấn đề của gia đình. Để có thể thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đó NVCTXH phải có những kỹ năng tham vấn

cơ bản và kỹ năng tham vấn chuyên biệt. Kỹ năng tham vấn cơ bản là những kỹ năng nền tảng giúp cho việc thực hiện có hiệu quả hoạt động tham vấn nói chung. Kỹ năng tham vấn chuyên biệt là những kỹ năng được sử dụng chủ yếu trong tham vấn với gia đình TTK nhằm nhận diện, phòng ngừa, can thiệp và trợ giúp họ một cách hiệu quả. Có rất nhiều yếu tố thuộc về chủ thể tham vấn và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới kỹ năng tham vấn của NVCTXH. Các yếu tố thuộc về chủ quan là những yếu tố thuộc về các đặc điểm tâm lý cá nhân của NVCTXH như: sự say mê, hứng thú với công việc; kinh nghiệm thực tiễn/thâm niên công tác; nền tảng kiến thức chuyên môn được đào tạo; đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra còn có một số các yếu tố khách quan có thể tác động đến KNTV của NVCTXH.

Chương 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Nghiên cứu lý luận

3.1.1.1. Mục đích nghiên cứu lý luận

- Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về những vấn đề liên quan tới tham vấn và KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH;
- Hệ thống hoá một số lý luận cơ bản liên quan tới các khái niệm về tham vấn, KNTV, TTK, gia đình TTK, kỹ năng tham vấn gia đình của NVCTXH cũng như các yếu tố ảnh hưởng tới KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH
- Từ khung lý luận xác lập quan điểm chỉ đạo trong việc nghiên cứu KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.

3.1.1.2. Nội dung nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp những công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về tham vấn, KNTV, TTK, gia đình TTK của NVCTXH và các yếu tố ảnh hưởng tới KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.

3.1.1.2. Nội dung nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp những công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về tham vấn, KNTV, TTK, gia đình TTK của NVCTXH và các yếu tố ảnh hưởng tới KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.

3.1.1.3 Phương pháp nghiên cứu lý luận

Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp nghiên cứu tài liệu thông qua các hoạt động cụ thể như phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát những lý thuyết cũng như các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước được đăng tải trên sách, tạp chí, báo, đề tài về các vấn đề liên quan tới tham vấn và các KNTV cho gia đình TTK.

Bên cạnh đó chúng tôi còn sử dụng các phương pháp chuyên gia, phỏng vấn, để làm rõ thêm các quan điểm khác nhau về các khái niệm trong phân lý luận.

3.1.2. Nghiên cứu thực tiễn

Quá trình nghiên cứu thực tiễn bao gồm 2 giai đoạn: Giai đoạn khảo sát và giai đoạn thực nghiệm tác động

3.1.2.1. *Giai đoạn khảo sát*: gồm 2 công đoạn khảo sát thử và khảo sát chính thức.

* *Công đoạn 1: khảo sát thử*

* *Công đoạn khảo sát chính thức:*

3.1.2.2. *Giai đoạn thực nghiệm tác động*

* *Mục đích*: Thực nghiệm nâng cao một số KNTV chuyên biệt cho NVCTXH.

* *Nội dung*: Tổ chức lớp tập huấn nâng cao một số KNTV chuyên biệt cho NVCTXH.

* *Khách thể nghiên cứu*: 11 NVCTXH ở Hà Nội

* *Phương pháp*: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp PVS, phương pháp quan sát, phương pháp chuyên gia.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

- *Mục đích*: khái quát những vấn đề tâm lý liên quan đến tham vấn, KNTV của NVCTXH để xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

- *Cách thức tiến hành*: trên cơ sở phân tích, tổng hợp, khái quát các nghiên cứu trước đây về vấn đề tham vấn, KNTV, TTK, gia đình TTK của NVCTXH chúng tôi xây dựng khái niệm công cụ của đề tài như: khái niệm tham vấn, KNTV, KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH; các biểu hiện của các KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH, các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển các KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.

3.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp chuyên gia*

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*

- *Phương pháp quan sát.*

- *Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động.*

- *Phương pháp thực nghiệm*

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp*

3.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Kết quả thu được từ khảo sát thực tiễn được xử lý bằng chương trình SPSS phiên bản 21.0 trong môi trường Windows. Các thông số và phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

3.3. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá

3.3.1. Tiêu chí đánh giá

* *Căn cứ xác định tiêu chí đánh giá:*

- Dựa trên các khái niệm công cụ.

- Nội dung, các biểu hiện/thao tác thực hiện của từng kỹ năng.

Mức độ thực hiện KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH được đánh giá thông qua những biểu hiện, thao tác cụ thể của từng kỹ năng được trình bày ở bảng 2.4.

Với 3 tiêu chí:

- Tính chính xác*
- Tính thành thạo.
- Tính linh hoạt.

3.3.2. Thang đánh giá

3.3.2.1. Thang đánh giá cho thực trạng

Thực trạng mức độ KNTV chung cũng như KNTV cơ bản và KNTV chuyên biệt của NVCTXH được đánh giá qua 6 mức độ được trình bày ở bảng 2.5.

Bảng 2.5: Mức độ thực hiện các KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH

Mức độ	Yêu cầu đạt được	Điểm đạt được
1. Mức độ kém	Thực hiện kỹ năng không chính xác, lúng túng, hay mắc lỗi hoặc bỏ sót nhiều thao tác*	Từ trên 1 điểm đến dưới 2 điểm
2. Mức độ yếu	Thực hiện kỹ năng không chính xác, lúng túng, bỏ sót nhiều thao tác*	Từ 2 đến dưới 3 điểm
3. Mức độ trung bình	Thực hiện đầy đủ nhưng chưa thành thạo và linh hoạt các thao tác/biểu hiện của các kỹ năng.	Từ 3 đến dưới 4 điểm
4. Mức độ khá	Thực hiện đầy đủ, chính xác, nhanh chóng, tương đối linh hoạt các thao tác/biểu hiện của các kỹ năng	Từ 4 đến dưới 5 điểm
5. Mức độ tốt	Thực hiện đầy đủ, chính xác, nhanh chóng, tương đối thành thạo và linh hoạt các thao tác/biểu hiện của các kỹ năng.	Từ 5 điểm đến dưới 6 điểm
6. Mức độ rất tốt	Thực hiện đầy đủ, rất chính xác, nhanh chóng, thành thạo và rất linh hoạt các thao tác/biểu hiện của các kỹ năng.	6 điểm

Điểm số của thang đánh giá mức độ thực hiện KNTV của NVCTXH được tính như sau:

Không thực hiện:	1 điểm
Không chính xác, lúng túng:	2 điểm
Chính xác, thiếu linh hoạt:	3 điểm
Chính xác, nhanh chóng, tương đối linh hoạt:	4 điểm
Chính xác nhanh chóng linh hoạt:	5 điểm
Rất chính xác nhanh chóng linh hoạt:	6 điểm

Điểm thấp nhất = 1, điểm cao nhất = 6; điểm càng cao, chứng tỏ mức độ thực hiện KNTV của NVCTXH càng cao.

** Thang đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc hình thành và nâng cao KNTV chuyên biệt của NVCTXH:*

Hoàn toàn sai: 1 điểm

Phần lớn sai: 2 điểm

Phần lớn đúng: 3 điểm

Hoàn toàn đúng: 4 điểm

Điểm thấp nhất = 1, điểm cao nhất = 4; điểm càng cao, chứng tỏ các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và nâng cao KNTV chuyên biệt cho NVCTXH càng lớn.

** Thang đánh giá cảm nhận của thân chủ đối với NVCTXH:*

Hoàn toàn sai: 1 điểm

Phần lớn sai: 2 điểm

Phần lớn đúng: 3 điểm

Hoàn toàn đúng: 4 điểm.

Điểm thấp nhất = 1, điểm cao nhất = 4; điểm càng cao, chứng tỏ cảm nhận của thân chủ đối với NVCTXH càng đúng.

3.3.2.2. Thang đánh giá cho thực nghiệm

Giống thang đánh giá thực trạng mức độ KNTV chung cũng như KNTV cơ bản và KNTV chuyên biệt của NVCTXH được đánh giá qua 5 mức độ đã nêu ở bảng trên.

Tiểu kết chương 3

Nghiên cứu KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH là một đề tài mới và rất khó, vì vậy để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra một cách khách quan, đầy đủ và logic đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài cần phải sử dụng phối kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp chuyên gia, phương pháp PVS, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi cá nhân, phương pháp quan sát, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động, phương pháp thực nghiệm. Các phương pháp này đã bổ sung, hoàn thiện kết quả nghiên cứu cho nhau ở nhiều góc độ, từ suy nghĩ chủ quan tới hành vi thực tiễn, từ quan niệm cá nhân tới ý kiến thống nhất trong nhóm, từ khảo sát thực trạng tới kiểm nghiệm thực tiễn. Do đó, để thực hiện các phương pháp có hiệu quả đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu phải thực hiện từng phương pháp theo một quy trình tổ chức chặt chẽ. Bên cạnh đó các số liệu được xử lý theo phương pháp định lượng và định tính nhằm đảm bảo kết quả nghiên cứu và kết luận đủ tin cậy, có giá trị về mặt khoa học.

Chương 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ KỸ NĂNG THAM VẤN CHO GIA ĐÌNH TRẺ TỰ KỶ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI

Trong nghiên cứu thực tiễn về KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH, chúng tôi tập trung trình bày những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Tìm hiểu thực trạng KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.
- Phân tích một số yếu tố chủ quan và khách quan tác động đến KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.
- Đề xuất một số biện pháp tâm lý và tổ chức thực nghiệm tác động nhằm nâng cao KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH với mục đích góp phần hỗ trợ tốt nhất cho gia đình TTK.

4.1. Thực trạng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

Kết quả nghiên cứu thực trạng KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH cho thấy, NVCTXH đánh giá mức độ thực hiện nhóm KNTV cơ bản cao hơn nhóm KNTV chuyên biệt (với ĐTB tương ứng là 4,59 và 4,54).

Phần lớn NVCTXH có KNTV ở mức độ khá (64,1%), **trên 1/5 số khách thể nghiên cứu ở mức trung bình (20,2%) và 15,7% ở mức tốt.** Không có NVCTXH nào trong mẫu nghiên cứu có KNTV ở mức độ yếu, kém, và tương tự như vậy, cũng không có NVCTXH nào có KNTV cơ bản ở mức rất tốt.

4.1.1. Thực trạng kỹ năng tham vấn cơ bản cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

4.1.1.1. Đánh giá chung về kỹ năng tham vấn cơ bản

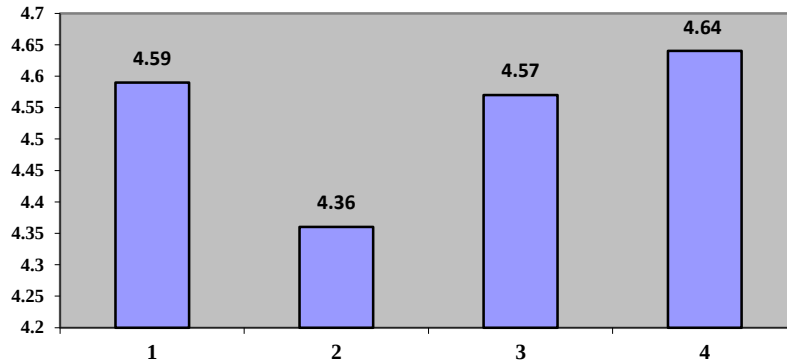
Kết quả nghiên cứu thực trạng KNTV cơ bản cho gia đình TTK cho thấy, khi đánh giá về KNTV của bản thân, NVCTXH đã đánh giá khá cao những KNTV cơ bản của mình khi tham vấn cho gia đình TTK, thể hiện ở chỗ: ĐTB cao nhất là 6,0 thì trong 5 thang đo đánh giá KNTV cho gia đình TTK các NVCTXH đã đánh giá các kỹ năng của mình thấp nhất là 4,35 điểm (kỹ năng phản hồi) và cao nhất là 4,72 (kỹ năng thấu hiểu).

Bảng 4.1: Mức độ KNTV cơ bản cho gia đình TTK của NVCTXH (%)

Mức độ KNTV cơ bản Các KNTV cơ bản	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
1. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	0,0	1,1	11,3	51,6	36,0	0,0
2. Kỹ năng hỏi	0,0	1,1	12,4	58,4	27,0	1,1
3. Kỹ năng lắng nghe	0,0	1,1	13,5	48,3	37,1	0,0
4. Kỹ năng thấu hiểu	0,0	0,0	9,0	41,6	48,3	1,1
5. Kỹ năng phản hồi	0,0	0,0	21,3	59,6	19,1	0,0
Nhóm KNTV cơ bản	0,0	0,0	14,6	69,7	15,7	0,0

4.1.2. Thực trạng kỹ năng tham vấn chuyên biệt cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

4.1.2.1. Đánh giá chung về kỹ năng tham vấn chuyên biệt



Biểu đồ 4.7: Thực trạng KNTV chuyên biệt cho gia đình TTK của NVCTXH (ĐT*)

Như vậy, ở nghiên cứu này, các NVCTXH đã đánh giá cao kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực*. Đây là kỹ năng đầu tiên và cũng là kỹ năng quan trọng nhất đối với NVCTXH. Nhóm kỹ năng cung cấp thông tin và nhóm kỹ năng can thiệp đứng vị trí thứ ba và thứ tư, kỹ năng đương đầu là kỹ năng yếu nhất so với 3 nhóm kỹ năng còn lại.

4.1.2.2. Kỹ năng cung cấp thông tin

Trong các biểu hiện của nhóm kỹ năng cung cấp thông tin của NVCTXH với GĐTTK thì hai biểu hiện *Đảm bảo thông tin đó là chính xác trước khi cung cấp cho thân chủ; Hướng dẫn thân chủ cách sử dụng thông tin vừa được cung cấp.*

4.1.2.3. Kỹ năng đương đầu

Trong các biểu hiện của nhóm kỹ năng đương đầu của NVCTXH với gia đình TTK thì biểu hiện *Giúp thân chủ nhận thức rõ hơn về bản thân và vấn đề của chính mình khi họ đang có những mâu thuẫn trong cảm xúc, suy nghĩ, hành vi.*

4.1.2.4. Kỹ năng can thiệp

Trong một nghiên cứu mới công bố, các nhà khoa học khẳng định việc can thiệp sớm bằng phương pháp tương tác xã hội sẽ giúp TTK cải thiện được chỉ số IQ, khả năng ngôn ngữ và thích nghi.

4.1.2.5. Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực

Khi NVCTXH ở những vị trí khác nhau thì vai trò và các hoạt động của họ cũng rất khác nhau, tùy theo chức năng và nhóm thân chủ mà họ làm việc*

Thực hiện tốt vai trò này đòi hỏi NVCTXH phải tiến hành KN vận động và kết nối nguồn lực trong quá trình tham vấn nói chung cũng như tham vấn cho gia đình TTK nói riêng.

4.2. Ảnh hưởng của một số yếu tố chủ quan và khách quan đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

Với quan điểm cho rằng, các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan đều có tác động nhất định đến KNTV cho gia đình TTK. Vì vậy, để có thể nâng cao

KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH, từ đó khắc phục những khó khăn của gia đình trẻ, nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp các em hòa nhập cộng đồng, trước hết cần phải tìm hiểu những biểu hiện của một số yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan, sau đó phân tích tác động của các yếu tố này đến KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.

4.2.1. Một số yếu tố tác động đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

4.2.1.1. Một số yếu tố tác động chủ quan

** Sự say mê, hứng thú với công việc của nhân viên công tác xã hội*

Sự say mê, hứng thú với công việc có vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động của con người nói chung, nghề tham vấn tâm lý nói riêng.

** Kiến thức chuyên môn được đào tạo và kinh nghiệm thực tiễn*

Kết quả của sự thực hiện tham vấn nói chung và KNTV nói riêng chịu sự chi phối khá nhiều nét tâm lý cá nhân đặc biệt là hứng thú nghề nghiệp tham vấn của NVCTXH như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, các yếu tố đó không thể quyết định cho tay nghề của NVCTXH, nếu họ không có được nền tảng kiến thức chuyên môn về tham vấn.

** Tính tích cực, chủ động*

Trong nhóm các yếu tố chủ quan thì tính tích cực, chủ động là nhân tố quan trọng tác động đến việc hình thành KNTV của NVCTXH. Tính tích cực, chủ động giúp NVCTXH luôn nỗ lực tìm tòi, vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào quá trình tham vấn cho cha mẹ có con mắc hội chứng tự kỷ.

4.2.1.2. Một số yếu tố tác động khách quan

Yếu tố khách quan là yếu tố quan trọng quyết định đến trình độ KVTN của NVCTXH. Tham vấn là một lĩnh vực gắn liền với các vấn đề của cuộc sống nên nó thường có nhiều chuyển biến theo xu hướng thay đổi của xã hội. Điều này đòi hỏi NVCTXH cần luôn phải cập nhật kiến thức cho hoạt động thực tiễn của mình. Thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng về tham vấn tâm lý, tham vấn cho gia đình TTK là cơ hội rất hữu ích giúp NVCTXH rèn luyện và nâng cao KNTV.

- Cơ hội đào tạo nâng cao trình độ của nhân viên công tác xã hội

- Hình thức khuyến khích làm việc tại cơ quan đối với nhân viên công tác xã hội

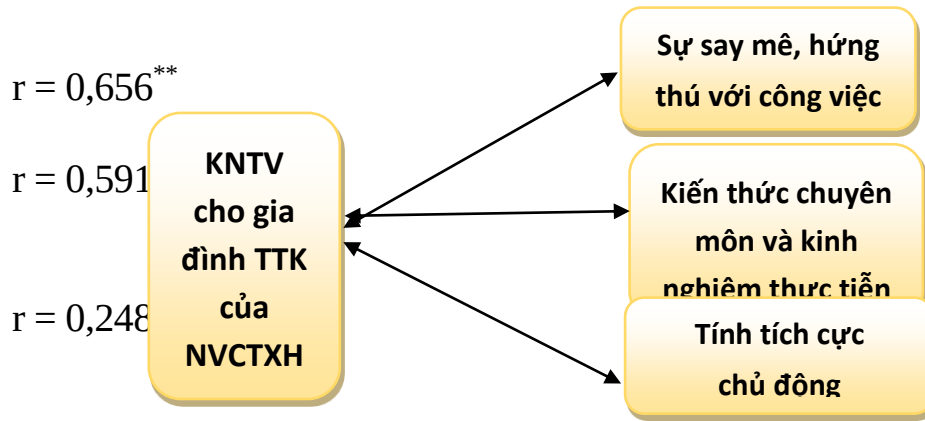
- Yêu cầu công việc đối với nhân viên công tác xã hội

4.2.2. Tác động của một số yếu tố đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

4.2.2.1. Tương quan giữa kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội với các yếu tố tác động

** Tương quan giữa kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội với các yếu tố tác động chủ quan*

Trong các cặp tương quan này, chúng tôi nhận thấy mối tương quan chặt chẽ nhất giữa KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH và sự say mê, hứng thú với công việc của những NVCTXH này ($r = 0,656$ và $p < 0,01$).

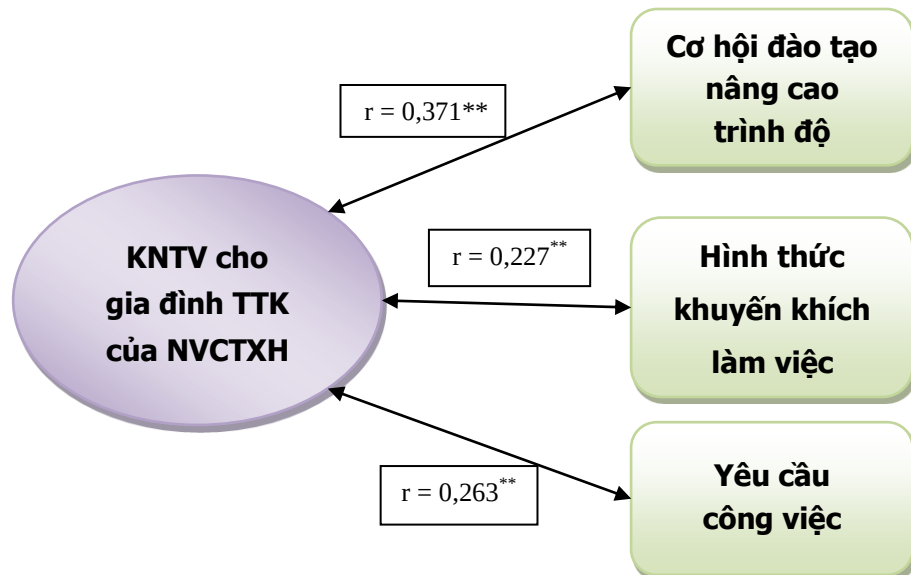


Sơ đồ 3.1: Tương quan giữa KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH với các yếu tố chủ quan

Ghi chú: Trên sơ đồ hiển thị những hệ số tương quan có ý nghĩa thống kê với r^{**} khi $P < 0,01$ và r là hệ số tương quan pearson.

* Tương quan giữa kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội với các yếu tố tác động khách quan

Với giả thuyết cho rằng, cơ hội đào tạo nâng cao trình độ, hình thức khuyến khích làm việc ở cơ quan và yêu cầu công việc đều có tác động nhất định đến KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH, trước khi phân tích một số yếu tố dự báo KNTV này, chúng tôi tiến hành tìm hiểu mối tương quan giữa KNTV với các yếu tố tác động khách quan. Từ đó để thấy được ảnh hưởng của các yếu tố đến KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH.



Sơ đồ 3.2: Tương quan giữa KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH với các yếu tố khách quan

Ghi chú: Trên sơ đồ hiển thị những hệ số tương quan có ý nghĩa thống kê với r^{**} khi $P < 0,01$ và r là hệ số tương quan pearson.

Những phân tích trên chỉ ra rằng, các yếu tố khách quan như cơ hội đào tạo nâng cao trình độ, hình thức khuyến khích làm việc ở cơ quan và yêu cầu công việc đều có ảnh hưởng đến KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH. Trong ba yếu

tổ tác động này, cơ hội đào tạo nâng cao trình độ cho NVCTXH là yếu tố khách quan có tác động mạnh hơn đến KNTV của những khách thể nghiên cứu này.

4.2.2.2. *Dự báo mức độ kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội khi các yếu tố tác động thay đổi*

* *Dự báo mức độ kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ dưới tác động của từng yếu tố độc lập đơn nhất*

Bảng 4.20: Dự báo sự thay đổi KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH dưới tác động của một số yếu tố độc lập đơn nhất

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc – KNTV của NVCTXH (r^2)
1. Sự say mê, hứng thú với nghề	0,401***
2. Kiến thức chuyên môn được đào tạo, kinh nghiệm thực tiễn	0,332***
3. Tính tích cực, chủ động	0,057***
4. Cơ hội đào tạo nâng cao trình độ	0,138***
5. Hình thức khuyến khích làm việc của cơ quan	0,052***
6. Yêu cầu công việc	0,069***

Ghi chú: Trong bảng chỉ hiện thị những giá trị có ý nghĩa thống kê với r^2 – Hệ số hồi quy bậc nhất; ** khi $p < 0,01$, *** khi $p < 0,001$.

* *Dự báo mức độ kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ dưới tác động của các cụm yếu tố*

Bảng 4.21: Dự báo sự thay đổi mức độ KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH dưới tác động của các cụm yếu tố

Các nhóm biến độc lập	Biến phụ thuộc: KNTV (r^2)
1. Các yếu tố chủ quan (Sự say mê, hứng thú với công việc + Kiến thức chuyên môn được đào tạo và kinh nghiệm thực tiễn + Tính tích cực, chủ động)	0,470***
2. Các yếu tố khách quan (Cơ hội đào tạo nâng cao trình độ + Hình thức khuyến khích làm việc tại cơ quan + Yêu cầu công việc*)	0,215***
3. Các yếu tố chủ quan + các yếu tố khách quan	0,503***

Ghi chú: r^2 – Hệ số hồi quy bậc nhất *** khi $P < 0,001$; Trên bảng chỉ hiện thị những giá trị có ý nghĩa thống kê.

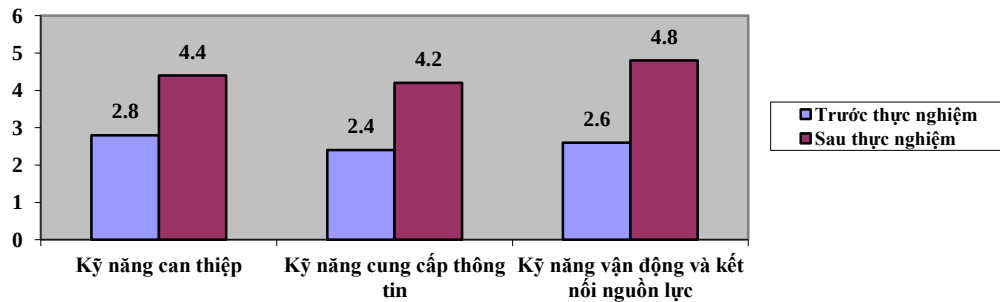
Tóm lại, sự kết hợp giữa các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan có khả năng dự báo KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH cao nhất so với tập hợp các cụm yếu tố khác và càng cao hơn từng yếu tố độc lập riêng lẻ. Kết quả này cho thấy, khi NVCTXH nhiệt tình, hào hứng, nỗ lực quên mình trong hoạt động nghề nghiệp, có kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm thực tiễn lại luôn chủ động, tích cực, sáng tạo trong công việc cộng với những cơ hội được đào tạo nâng cao trình

độ, được động viên, khuyến khích, được thưởng khi làm việc có hiệu quả, bị phạt khi không hoàn thành nhiệm vụ, chịu áp lực của những yêu cầu cao về trình độ chuyên môn tay nghề của công việc chính là nguyên nhân dẫn đến việc hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện KNTV của các NVCTXH này khi tham vắn cho gia đình TTK.

4.3. Thực nghiệm tác động nhằm nâng cao kỹ năng tham vắn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội

4.3.1. Thực trạng kỹ năng tham vắn chuyên biệt của nhân viên công tác xã hội cho gia đình trẻ tự kỷ trước và sau thực nghiệm

Số liệu được hiển thị ở Biểu đồ 4.13 đã thể hiện rõ sự thay đổi của NVCTXH sau khi tiến hành thực nghiệm. Trước thực nghiệm ĐTB của 3 kỹ năng can thiệp, kỹ năng cung cấp thông tin, kỹ năng vận động, kết nối nguồn lực là 2,8; 2,4; 2,6; sau thực nghiệm tác động mức độ thực hiện ba kỹ năng đều tăng lên và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$ với ĐTB tương ứng là 4,4; 4,2 và 4,8.



Biểu đồ 4.12: Thực trạng KNTV chuyên biệt cho gia đình TTK của NVCTXH trước và sau thực nghiệm

4.3.2. Mức độ thực hiện về một số kỹ năng tham vắn chuyên biệt của nhân viên công tác xã hội trước và sau thực nghiệm

Bảng 4.22: Mức độ thực hiện một số KNTV chuyên biệt của NVCTXH trước và sau thực nghiệm

STT	Mức độ thực hiện	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Mức độ kém	1	10	0	0
2	Mức độ yếu	2	20	0	0
3	Mức độ trung bình	5	50	3	30
4	Mức độ khá	3	10	5	50
5	Mức độ tốt	1	10	2	20
6	Mức độ rất tốt	0	0	0	0

Như đã phân tích ở trên, tác động thực nghiệm đã làm thay đổi về mức độ thực hiện ở tất cả 3 kỹ năng được nghiên cứu, ĐTB của 3 kỹ năng can thiệp, cung cấp thông tin và vận động, kết nối nguồn lực đều tăng lên, nghĩa là mức độ thực hiện các kỹ năng này đều cao hơn so với trước tác động.

*** Kỹ năng can thiệp:**

ĐTB của kỹ năng can thiệp trước thực nghiệm là 2,8 điểm, sau thực nghiệm tăng lên là 4,4 điểm. Trước thực nghiệm nhiều NVCTXH chưa biết lập kế hoạch can thiệp cho phù hợp với vấn đề và hoàn cảnh của trường hợp TTK mà mình tham vấn, nhưng sau thực nghiệm tình hình đó đã được cải thiện.

*** Kỹ năng cung cấp thông tin:**

ĐTB của kỹ năng trước thực nghiệm là 2,4 điểm, sau thực nghiệm tăng lên 4,2 điểm. Trước thực nghiệm hầu hết các NVCTXH đều chưa chú trọng nhiều đến việc tìm hiểu thân chủ cần biết thông tin về khía cạnh nào (nguồn lực, chính sách, tổ chức...) sau thực nghiệm NVCTXH đã chú trọng tìm hiểu xem thân chủ cần nguồn thông tin nào để hỗ trợ (ĐTB tăng lên 1,8).

*** Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực:**

Đây là kỹ năng có ĐTB tăng lên rõ rệt nhất sau thực nghiệm. ĐTB của kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực trước thực nghiệm là 2,6 điểm, sau thực nghiệm tăng lên 4,8 điểm. So sánh từng biểu hiện trong kỹ năng này của NVCTXH, chúng tôi nhận thấy, sau khi tác động thực nghiệm mức độ thực hiện mỗi biểu hiện của kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực đều tăng hơn so với trước thực nghiệm.

** Kiểm định kết quả nghiên cứu về mức độ thực hiện một số KNTV chuyên biệt của NVCTXH trước và sau thực nghiệm:* Chúng tôi sử dụng kiểm định T-test để kiểm định sự khác biệt về mức độ thực hiện một số KNTV chuyên biệt của NVCTXH trước và sau thực nghiệm, kết quả cho thấy: hầu hết các giá trị T lớn hơn t-test chứng tỏ có sự khác biệt giữa trước và sau thực nghiệm. Như vậy KNTV của NVCTXH sau thực nghiệm có sự biến đổi rõ rệt so với trước thực nghiệm, sự biến đổi thể hiện ở hầu hết các biểu hiện của 3 kỹ năng.

* Kết quả thực nghiệm cũng được *kiểm nghiệm qua việc xử lý bài tập tình huống* (ca tham vấn giả định) của NVCTXH như sau:

Bảng 4.23: Mức độ thực hiện một số KNTV chuyên biệt của NVCTXH thông qua bài tập tình huống trước và sau thực nghiệm.

STT	Mức độ thực hiện	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Mức độ kém	0	0	0	0
2	Mức độ yếu	0	0	0	0
3	Mức độ trung bình	5	50	1	10
4	Mức độ khá	5	50	9	90
5	Mức độ tốt	5	50	9	90
6	Mức độ rất tốt	0	0	0	0

Kết quả thực tiễn được hiển thị ở Bảng 4.23 cho thấy, sau thực nghiệm kết quả xử lý các ca tham vấn giả định của NVCTXH cao hơn trước thực nghiệm, điều đó chứng tỏ NVCTXH đã có KNTV tốt hơn so với trước thực nghiệm. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu đã phân tích ở trên.

4.3.3. Mức độ kỹ năng tham vấn chung của nhân viên công tác xã hội trước và sau thực nghiệm

Nhìn chung, mức độ KNTV chung của đa số NVCTXH có sự biến đổi rõ nét so với trước thực nghiệm, sau thực nghiệm đa số NVCTXH có kỹ năng đạt mức độ tốt, chỉ còn một NVCTXH có kỹ năng ở mức độ trung bình. Điều đó cho thấy, thông qua biện pháp tổ chức lớp tập huấn có thể giúp NVCTXH nâng cao hiểu biết về nội dung, mục đích, cách thức tiến hành của các kỹ năng và thực hiện đầy đủ, chính xác, thành thạo và linh hoạt hơn các thao tác/biểu hiện của các KNTV chuyên biệt.

Bảng 4.24: Mức độ KNTV chung của NVCTXH trước và sau thực nghiệm

STT	Mức độ kỹ năng tham vấn chung	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Mức độ kém	0	0	0	0
2	Mức độ yếu	0	0	0	0
3	Mức độ trung bình	3	30	1	10
4	Mức độ khá	5	50	6	60
5	Mức độ tốt	2	20	3	30
6	Mức độ rất tốt	0	0	0	0

Tóm lại, kết quả thực nghiệm tác động chứng tỏ giả thuyết của thực nghiệm là đúng. Sau thực nghiệm, các KNTV chuyên biệt của NVCTXH: kỹ năng can thiệp, kỹ năng cung cấp thông tin, kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực đã có sự biến đổi rõ rệt, đa số NVCTXH đạt mức độ thực hiện khá, tốt, không còn NVCTXH thực hiện ở mức độ yếu, tỷ lệ NVCTXH thực hiện các kỹ năng ở mức trung bình giảm đáng kể.

4.3.4. Phân tích trường hợp điển hình minh họa cho thực nghiệm

Để hiểu rõ hơn tác động của một số yếu tố chủ quan và khách quan đến KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH, từ đó tìm kiếm một số biện pháp tâm lý nhằm tăng cường KNTV cho NVCTXH khi tham vấn cho gia đình TTK, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm tác động trên 11 NVCTXH có KNTV ở mức độ yếu tại Hà Nội.

Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích một trường hợp điển hình là nữ NVCTXH Nguyễn T.T.A sau khi tham gia thực nghiệm đã nâng cao được mức độ thực hiện ba kỹ năng như can thiệp, cung cấp thông tin và vận động, kết nối nguồn lực trong nhóm KNTV chuyên biệt.

Quá trình thực nghiệm tác động đối với chị A được tiến hành qua 3 công đoạn.

* Công đoạn 1: Xác định thực trạng KNTV của A

* Công đoạn 2 - Thực hiện các biện pháp tác động tâm lý:

* Công đoạn 3: Lượng giá và kết thúc

Kết luận thực nghiệm:

Kết quả thực nghiệm tác động nâng cao một số KNTV chuyên biệt cho NVCTXH cho thấy, sau thực nghiệm, một số KNTV chuyên biệt của NVCTXH

đã được cải thiện rõ rệt, đa số NVCTXH đạt mức độ thực hiện khá, tốt, không còn NVCTXH thực hiện ở mức độ yếu, tỷ lệ NVCTXH thực hiện các kỹ năng ở mức trung bình giảm đáng kể.

Như vậy, thông qua biện pháp tổ chức lớp tập huấn có thể giúp NVCTXH nâng cao hiểu biết về nội dung, mục đích, cách thức tiến hành của các kỹ năng và thực hiện đầy đủ, chính xác, thành thạo và linh hoạt hơn các thao tác/biểu hiện của các KNTV chuyên biệt.

Tiểu kết chương 4

Kết quả nghiên cứu thực trạng KNTV cho gia đình TTK cho thấy, phần lớn NVCTXH được nghiên cứu chưa thật nắm vững nội dung, mục đích, cách thức tiến hành các kỹ năng và thực hiện kỹ năng đầy đủ nhưng chưa thành thạo và linh hoạt, chỉ có một số NVCTXH nắm vững nội dung, mục đích, cách thức tiến hành các kỹ năng và thực hiện đầy đủ, chính xác và tương đối thành thạo, linh hoạt các KNTV. Đánh giá của cha mẹ TTK là tương đối thống nhất với tự đánh giá của NVCTXH về mức độ hiểu biết và mức độ thực hiện các KNTV của NVCTXH. Nguyên nhân của thực trạng này chủ yếu do các NVCTXH chưa được đào tạo cơ bản và hệ thống về tham vấn tâm lý, KNTV, đặc biệt là về các KNTV cho gia đình TTK, dẫn đến sự thiếu hụt nhất định về kiến thức và KNTV nói chung, KNTV cho gia đình TTK nói riêng. Bên cạnh đó hiện nay phần lớn NVCTXH ở các Trung tâm giáo dục TTK thực hiện tham vấn thiếu sự giám sát chuyên môn dẫn đến thiếu sự đánh giá và hỗ trợ chuyên môn kịp thời.

Các yếu tố thuộc về bản thân NVCTXH và các yếu tố bên ngoài có ảnh hưởng nhất định đến KNTV của NVCTXH ở các mức độ khác nhau, đặc biệt là yếu tố nền tảng kiến thức chuyên môn được đào tạo; cơ hội được tập huấn, bồi dưỡng về tham vấn tâm lý, KNTV cho gia đình TTK và sự say mê, hứng thú với công việc, trong đó nhóm các yếu tố chủ quan thuộc về NVCTXH có mức độ ảnh hưởng mạnh hơn nhóm các yếu tố bên ngoài đến sự hình thành và nâng cao các KNTV của NVCTXH.

Kết quả phân tích một số ca tham vấn và một số chân dung tâm lý của NVCTXH đã làm rõ hơn những biểu hiện về KNTV cho gia đình TTK và có thêm thông tin thực tiễn khẳng định kết quả nghiên cứu.

Việc áp dụng biện pháp tác động thực nghiệm đã nâng cao mức độ hiểu biết và mức độ thực hiện một số KNTV chuyên biệt cho NVCTXH.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Nghiên cứu lý luận cho thấy, KNTV cho TTK của NVCTXH là KNTV là sự vận dụng kinh nghiệm, tri thức hiểu biết chuyên môn và giá trị nghề nghiệp của NVCTXH vào hoàn cảnh tham vấn cụ thể nhằm tạo lập mối quan hệ hợp tác, qua đó giúp đối tượng tự nhận thức được bản thân và vấn đề đang tồn tại, từ đó tự xác định giải pháp để giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả.

1.2. KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH được xem xét trong nghiên cứu này bao gồm 5 KNTV cơ bản và 4 KNTV chuyên biệt. 5 kỹ năng cơ bản là kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng phản hồi và 4 KNTV chuyên biệt là kỹ năng cung cấp thông tin, kỹ năng đương đầu, kỹ năng can thiệp, kỹ năng vận động, kết nối các nguồn lực

1.3. Theo tự đánh giá của NVCTXH trong mẫu nghiên cứu, KNTV chung cho gia đình TTK của họ đạt mức độ khá, là những NVCTXH này cho rằng, họ thực hiện đầy đủ, chính xác, nhanh chóng, tương đối linh hoạt các thao tác/ biểu hiện của các kỹ năng. Tất cả 9 kỹ năng được xem xét trong nghiên cứu này đều nằm ở mức khá.

1.4. NVCTXH thực hiện các KNTV cơ bản chính xác, thành thạo và linh hoạt hơn các KNTV chuyên biệt. Trong nhóm KNTV cơ bản, NVCTXH thực hiện kỹ năng thấu hiểu tốt nhất và kỹ năng phản hồi được thực hiện kém nhất, nhưng vẫn ở mức khá. Tuy tự đánh giá mức độ thực hiện KNTV chuyên biệt thấp hơn KNTV cơ bản, nhưng nhìn chung NVCTXH vẫn đánh giá khá cao những KNTV chuyên biệt của mình khi tham vấn cho gia đình TTK. Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, NVCTXH đánh giá cao nhất mức độ thực hiện kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực và kỹ năng đương đầu thấp nhất.

1.5. Tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan được xem xét trong nghiên cứu này đều có tác động đến mức độ thực hiện KNTV cho gia đình TTK của NVCTXH. Sự say mê, hứng thú với công việc trong nhóm yếu tố chủ quan và cơ hội đào tạo nâng cao trình độ trong nhóm yếu tố khách quan là hai yếu tố ảnh hưởng mạnh hơn cả đến mức độ thực hiện chính xác, thành thạo và linh hoạt các KNTV của NVCTXH. Sự kết hợp giữa các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan có khả năng dự báo KNTV cho gia đình TTK mạnh nhất.

1.6. Kết quả phân tích một số ca tham vấn và một số chân dung tâm lý của NVCTXH đã làm rõ hơn thực trạng KNTV cho gia đình TTK của họ, từ đó có thêm thông tin thực tiễn khẳng định kết quả nghiên cứu.

1.7. Việc áp dụng biện pháp tác động thực nghiệm thông qua tổ chức lớp tập huấn nâng cao một số KNTV chuyên biệt cho NVCTXH đã giúp họ có hiểu biết đầy đủ và đúng đắn hơn về nội dung, mục đích, cách thức tiến hành các KNTV và thực hiện đầy đủ, thành thạo và linh hoạt hơn các thao tác/ biểu hiện của các KNTV chuyên biệt.

Với kết quả nghiên cứu trên cho phép chúng tôi khẳng định kết quả nghiên cứu phù hợp với giả thuyết đã nêu trong luận án và các nhiệm vụ của đề tài đã được giải quyết.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với nhân viên công tác xã hội

NVCTXH cần ý thức rõ ràng nhiệm vụ và giá trị của nghề CTXH đối với nhóm những người yếu thế và đối với xã hội nhằm tạo động lực cho chính bản thân trong việc chủ động, tích cực tìm kiếm thông tin, tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

NVCTXH cần có sự say mê, hứng thú, nhiệt huyết với công việc tham vấn cho gia đình TTK và luôn sẵn sàng tham gia các hoạt động mang tính chất phát triển nghề chuyên môn của mình.

2.2. Đối với các cơ sở, trung tâm có trẻ tự kỷ, nơi nhân viên công tác xã hội đang làm việc

Các cơ sở, trung tâm có TTK, nơi NVCTXH đang làm việc cần phải tạo cơ hội để NVCTXH được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Các cơ sở, trung tâm có TTK, nơi NVCTXH đang làm việc cần động viên, khen ngợi, thưởng vật chất khi NVCTXH làm việc tích cực, hiệu quả đồng thời phạt thích đáng khi họ không hoàn thành nhiệm vụ thì sẽ càng khuyến khích NVCTXH tích cực làm việc và KNTV của họ càng phát triển và hoàn thiện.